

CÔNG TY TNHH HULI T&M VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH HULI T&M VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HULI T&M VIET NAM COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: HULI T&M VINA

2. Mã số doanh nghiệp: 0109633120

3. Ngày thành lập: 14/05/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 20, liên kê 9, khu đô thị mới Kim Chung Di Trạch, Xã Kim Chung, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 094.726.0512

Fax:

Email: hulitmvin@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
2.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
3.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
4.	In ấn	1811
5.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
6.	Máy trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
7.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
8.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
9.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu	2029
10.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
11.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
12.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
13.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
14.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
15.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
16.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
17.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (Không bao gồm Sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội bằng kim loại)	2599
18.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
19.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
20.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630

21.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
22.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
23.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
24.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
25.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
26.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	2930
27.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
28.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
29.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
30.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
31.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
32.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
33.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
34.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
35.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4511
36.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
37.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4513
38.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
39.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4530
40.	Bán mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đầu giá)	4541
41.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
42.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đầu giá)	4543
43.	Đại lý, môi giới, đầu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa; Môi giới mua bán hàng hóa	4610
44.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ động vật quý hiếm theo phụ lục 3 Luật Đầu tư năm 2020)	4620
45.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
46.	Bán buôn thực phẩm	4632
47.	Bán buôn đồ uống	4633
48.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
49.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641

50.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
51.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
52.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
53.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
54.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
55.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
56.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
57.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
58.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
59.	Bán buôn tổng hợp	4690
60.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
61.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
62.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
63.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
64.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
65.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
66.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
67.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
68.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
69.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
70.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
71.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
72.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
73.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
74.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
75.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
76.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
77.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
78.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772

79.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Không bao gồm Bán lẻ tem, súng đạn, tiền kim khí)	4773
80.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ hoạt động đấu giá)	4774
81.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào lưu động hoặc tại chợ	4781
82.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
83.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
84.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
85.	Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ	4785
86.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
87.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đấu giá)	4791
88.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động đấu giá)	4799
89.	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành	4921
90.	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh	4922
91.	Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác	4929
92.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
93.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng	4932(Chính)
94.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
95.	Bốc xếp hàng hóa	5224
96.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
97.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Gửi hàng; - Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường sắt, đường bộ, đường biển hoặc đường hàng không;- Giao nhận hàng hóa;- Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn;- Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay;- Hoạt động của các đại lý vận tải hàng hóa đường hàng không;- Môi giới thuê máy bay; - Hoạt động liên quan khác như: bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hoá;- Đại lý tàu biển ;Môi giới hàng hải;Đại lý làm thủ tục hải quan	5229

98.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn; Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
99.	Cơ sở lưu trú khác	5590
100.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
101.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
102.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
103.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
104.	Xây dựng nhà để ở	4101
105.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
106.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
107.	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: Dịch vụ cho thuê xe ô tô	7710
108.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
109.	Cho thuê băng, đĩa video	7722
110.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
111.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
112.	Đại lý du lịch	7911
113.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: - Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa;- Kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế ;	7912
114.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
115.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
116.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
117.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
118.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	8299

6. Vốn điều lệ: 2.000.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: _____ Giới tính: _____
 Sinh ngày: _____ Dân tộc: _____ Quốc tịch: _____
 Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: _____
 Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: _____
 Ngày cấp: _____ Nơi cấp: _____
 Địa chỉ thường trú: _____
 Địa chỉ liên lạc: _____

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: **KHÔNG THỊ MINH THANH**

Giới tính: *Nữ*

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: *04/07/1984*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *036184000762*

Ngày cấp: *30/07/2015*

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Địa chỉ thường trú: *Số 33 ngõ Văn Hương, phố Tôn Đức Thắng, Phường Hàng Bột, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số 42A/53 ngõ Văn Hương, phố Tôn Đức Thắng, Phường Hàng Bột, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: **Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội**